

Bản án số: 654/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31/7/2020.

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Huỳnh Văn Bé.

2/ Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có: Ông Đào Văn Tiền – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1387/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 158/2020/ QĐST-HNGĐ ngày 13/7/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Kim T. Đ, sinh năm 1976; (có mặt)

Thường trú: tổ 5, ấp Tân Trung, xã Châu Pha, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- *Bị đơn:* Ông Trình V. L, sinh năm: 1974. (vắng mặt)

Thường trú: số 95, đường số 19, tổ 3, ấp Tân Lập, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn ngày 05/6/2019, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Kim Thị Đ trình bày:

Bà và ông L có đăng ký kết hôn ngày 15/9/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Châu Pha, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau từ ngày 15/01/1991 đến ngày 20/6/2011. Từ năm 2011 đến nay bà và ông L không còn chung sống với nhau nữa, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là hay cãi vã nhau, nhiều lần hòa giải nhưng vẫn không được nên bà với ông L quyết định ly thân đến nay đã 08 năm, nay bà quyết định làm đơn ly hôn với ông L vì không thể hàng ngày lại được nữa.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trình Văn Q, sinh ngày 19/02/1993 và Trình Văn S, sinh ngày: 21/02/1997. Hai con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà xác định không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản chính); Bản sao giấy khai sinh; Chứng minh nhân dân + Sổ hộ khẩu (sao y).

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày. Bà Đ trình bày thêm: nguyên nhân mâu thuẫn là do ông L độc đoán, gia trưởng, ích kỷ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phát biểu ý kiến:

Về Tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; Tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí bà Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Ông L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L vẫn không đến Tòa án và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ gì có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L và căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp; chứng cứ mà Tòa thu thập được để giải quyết vụ kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Bà Kim Thị Đ và ông Trình Văn L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Châu Pha, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 63, quyển số 1/2004 ngày 15/9/2004 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà Đ xin ly hôn với ông L là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của bà Đ thì mâu thuẫn giữa bà và ông L là trầm trọng và không thể hàn gắn. Cuộc sống vợ chồng của ông bà không hạnh phúc, thường xuyên gây gổ, cãi vã, nguyên nhân do ông L độc đoán, gia trưởng, ích kỷ và hai vợ chồng đã không sống chung nhau đến nay gần 10 năm.

Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà Đ và ông L không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trình Văn Q, sinh ngày 19/02/1993 và Trình Văn S, sinh ngày: 21/02/1997. Các con chung đã thành niên.

Về tài sản chung: Bà Đ xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Bà Đ xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi là có cơ sở nên chấp nhận.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Cần buộc bà Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Kim Thị Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim Thị Đ được ly hôn với ông Trình Văn L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 63, quyển số 1/2004 ngày 15/9/2004 của Ủy ban nhân dân xã Châu Pha, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp cho bà Điệp và ông Lâm không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Trình Văn Q, sinh ngày 19/02/1993 và Trình Văn S sinh ngày: 21/02/1997 đã thành niên.

3. Về tài sản chung: không có.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) buộc bà Kim Thị Đ phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2019/0022944 ngày 14/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; bà Điệp đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hùng Vương